TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2026/HNGĐ - ST.
Ngày: 02 – 02 – 2026.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giáp;

2. Bà Trần Thị Thanh Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 448/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lý Thị Mỹ T, sinh năm 2001; địa chỉ: Ấp S, xã T, thành phố Cần Thơ; số Căn cước công dân: 094301005940, cấp ngày 29/9/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Triệu Du N là luật sư của Văn phòng luật sư Triệu Du L thuộc Đoàn luật sư thành phố C; địa chỉ: Ấp E, xã L, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trịnh Văn T1, sinh năm 2000; số Căn cước công dân: 094200001863, cấp ngày 08/6/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2025, nguyên đơn bà Lý Thị Mỹ T trình bày: Nguyên vào năm 2022, bà và ông Trịnh Văn T1 tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và chung sống với nhau theo nghĩa vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận kết hôn số 91, ngày 13/9/2022. Thời gian đầu sau khi kết hôn thì ông, bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng

nên bà và ông T1 đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian chung sống bà T và ông T1 không có 02 người con chung gồm Trịnh Thị Mỹ Y, sinh ngày 06/3/2020 và Trịnh Hoài A, sinh ngày 10/3/2022 hiện các cháu đang sống chung với ông T1; về tài sản chung và nợ chung không có. Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 21/10/2025, bà Lý Thị Mỹ T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về hôn nhân xin được ly hôn với ông Trịnh Văn T1; về con chung bà giao cho ông T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Thị Mỹ Y, sinh ngày 06/3/2020 và Trịnh Hoài A, sinh ngày 10/3/2022 đến khi đủ 18 tuổi; bà có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Y và cháu A với mức cấp dưỡng mỗi cháu là 1.250.000 đồng/tháng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng trên tháng), phương thức cấp dưỡng định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu ngày 10/3/2026; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Trịnh Văn T1:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T1, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T1 để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T1 để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lý Thị Mỹ T.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Trịnh Thị Mỹ Y, sinh ngày 06/3/2020 và Trịnh Hoài A, sinh ngày 10/3/2022 cho ông Trịnh Văn T1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Y và cháu A mỗi cháu là 1.250.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu ngày 10/3/2026.

+ Về tài sản chung: Bà Lý Thị Mỹ T xác định trong thời gian chung sống bà và ông Trịnh Văn T1 không có tài sản chung, bà không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Lý Thị Mỹ T xác định trong thời gian chung sống bà và ông Trịnh Văn T1 không có nợ chung, bà không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn bà Lý Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị đơn ông Trịnh Văn T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt và văn bản trình bày ý kiến bảo vệ cùng ngày 29/01/2026 người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của nguyên đơn bà Lý Thị Mỹ T là Luật sư Triệu Du N trình bày: Bà Lý Thị Mỹ T và ông Trịnh Văn T1 là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 2022, có đăng ký kết hôn thao quy định tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn thì bà T va ông T1 chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải nhau không tìm được tiếng nói chung nên hiện đã ly thân nhau. Từ khi hai bên ly thân cho đến nay cũng không gặp nhau để tìm biện pháp gì hàn gắn mâu thuẫn. Do đó, tình trạnh hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Lý Thị Mỹ T. Về con chung, đề nghị ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà T về việc giao cho ông T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Thị Mỹ Y, sinh ngày 06/3/2020 và Trịnh Hoài A, sinh ngày 10/3/2022 đến khi đủ 18 tuổi; bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Y và cháu A với mức cấp dưỡng mỗi cháu là 1.250.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu ngày 10/3/2026; về tài sản chung và nợ chung bà T xác định bà và ông T1 không có nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trịnh Văn T1 từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T1 nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông T1 để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lý Thị Mỹ T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Triệu Du N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà T và ông N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trịnh Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T, ông N và ông T1.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn bà Lý Thị Mỹ T và bị đơn ông Trịnh Văn T1 là tranh chấp về hôn nhân

và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn ông Trịnh Văn T1 có nơi cư trú tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Mỹ T và bị đơn ông Trịnh Văn T1 chung sống như vợ chồng từ năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận kết hôn số 91, ngày 13/9/2022. Hôn nhân của bà T và ông T1 tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị Mỹ T và bị đơn ông Trịnh Văn T1 là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T1 với lý do trong quá trình chung sống được một thời gian ngắn sau khi kết hôn thì hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Từ khi bà T chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn ông Trịnh Văn T1, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông T1 biết nhưng ông không có ý kiến phản đối gì và cũng không T1 bày ý kiến gì cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông T1.

[4]. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

+ Về con chung: Bà Lý Thị Mỹ T xác định trong thời gian chung sống bà và ông T1 có 02 (hai) người con chung là Trịnh Thị Mỹ Y, sinh ngày 06/3/2020 và Trịnh Hoài A, sinh ngày 10/3/2022, hiện nay đang sống chung với ông T1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T xác định từ khi bà và ông T1 sống ly thân thì ông T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y và cháu A, hiện nay các cháu vẫn đang chung sống với ông T1 nên bà giao cho ông T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, không yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế bà T và ông T1 đã không còn chung sống với nhau từ khi ly thân cho đến nay, trong khoảng thời gian này cháu Y và cháu A chung sống với ông T1, do ông T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của các cháu đã ổn định; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Y và cháu A cho ông T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành

quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Lý Thị Mỹ T mà không ai được ngăn cản.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ vào khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác; Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con", do đó bà Lý Thị Mỹ T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trịnh Thị Mỹ Y và cháu Trịnh Hoài A là phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trịnh Văn T1 chưa có yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà T tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Y, cháu A với mức cấp dưỡng mỗi cháu là 1.250.000 đồng/tháng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng/tháng), phương thức cấp dưỡng định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu ngày 10/3/2026 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lý Thị Mỹ T xác định bà và ông Trịnh Văn T1 không có tài sản chung, bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lý Thị Mỹ T xác định bà và ông Trịnh Văn T1 không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Bà Lý Thị Mỹ T phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Trịnh Văn T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Mỹ T được ly hôn với ông Trịnh Văn T1.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Trịnh Thị Mỹ Y, sinh ngày 06/3/2020 và Trịnh Hoài A, sinh ngày 10/3/2022 cho ông Trịnh Văn T1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi; bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Y và cháu A mỗi cháu là 1.250.000 đồng/tháng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng/tháng), phương thức cấp dưỡng định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, cấp dưỡng lần đầu vào ngày 10/3/2026 cho đến khi cháu Y, cháu A đủ 18 (Mười tám) tuổi. Sau khi ly hôn bà Lý Thị Mỹ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị Mỹ T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí xin ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng bà T phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003500 ngày 24/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy, bà T còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trịnh Văn T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Cần Thơ (PGĐ, KT, TT và THA);
- VKSND Khu vực 9 – Cần Thơ;
- Cơ quan THADS Thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Trường Khánh, Tp Cần Thơ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Bảo